

Với bộ tài liệu giải bài tập SBT Tiếng anh lớp 8 **Unit 10: Communication** SBT chi tiết nhất được tổng hợp kiến thức trọng tâm của bài và lời giải hay của các bài tập trong sách bài tập nằm trong nội dung chương trình giảng dạy bộ môn Tiếng anh lớp 8 giúp các em học sinh dễ dàng tiếp thu và củng cố kiến thức trong quá trình học tập. Mời quý thầy cô cùng các em học sinh tham khảo bài viết chi tiết dưới đây.

Giải Tiếng Anh 8 SBT Phonetics trang 29 sách mới

1. Complete the following words...(Hoàn thành những từ bên dưới với -ity hoặc -tive, sau đó thực hành đọc chúng.)

1. activity	2. nationality	3. positive
4. possibility	5. repetitive	6. Competitive

2. Mark (‘) the stress in the following words, then practise saying them. (Đánh dấu (‘) trọng âm cho các từ sau, sau đó thực hành đọc các từ đó.)

gene'rosity	inte'ractive
oppor'tunity	'quality
'sensitive	a'ttractive
crea'tivity	'talkative
com'munity	

3. Complete the following mini-dialogues...(Hoàn thành các bài đối thoại nhỏ sau sử dụng các từ ở bài 2, sau đó thực hành đọc chúng. Ở một số chỗ trống có thể có hơn 1 đáp án thích hợp.)

1. talkative
2. creativity/ generosity; generosity/ creativity
3. active; opportunity
4. sensitive

Hướng dẫn dịch:

1. - Bằng cách nào tôi có thể mô tả một người nói nhiều?

- Bạn có thể dùng từ “lắm lời”

2. - Bạn có nghĩ sáng tạo/ rộng lượng là đức tính tốt nhất không?

- Mình nghĩ rộng lượng/ sáng tạo tốt hơn.

3. - Anh ấy thật năng động trong cộng đồng của anh ấy.

- Đúng vậy. Anh ấy chưa bao giờ bỏ lỡ cơ hội nào để giúp đỡ mọi người.

4. - Cô ấy rất nhạy cảm, đúng không?

- Ừm, cô ấy lúc nào cũng khóc khi xem phim buồn.

Giải SBT Anh 8 mới Vocabulary - Grammar trang 30 - 31

1. Put the words...(Đặt các từ vào loại giao tiếp bằng lời hoặc giao tiếp phi ngôn ngữ.)

Verbal communication:

- giving a speech

- writing poems

- emailing

- sending notes

- chatting

Non-verbal communication:

- smiling

- dancing

- painting

- using signs

- using intonation

2. Choose the word/ phrase that does not belong to each group. (Chọn từ/ cụm từ không thuộc mỗi nhóm từ.)

1. snail mail	2. words	3. photos
4. face-to-face meetings	5. texting	6. painting

Hướng dẫn dịch:

1. video conference: hội nghị từ xa qua video

email: thư điện tử

video chat: đối thoại có hình ảnh

snail mail : thư bưu thiếp

2. facial expressions: biểu hiện qua khuôn mặt

body language: ngôn ngữ cơ thể

words: lời nói/ từ

signs: dấu hiệu

3. Letters: thư

Photos: ảnh

Poems: bài thơ

Speeches: bài diễn văn

4. phone calls: cuộc gọi

face-to-face meetings: gặp mặt trực tiếp

video conferences: hội nghị từ xa qua ghi hình

chat rooms: phòng tán gẫu

5. Music: âm nhạc

Dance: khiêu vũ

Texting: gửi tin nhắn

Sculpture: chạm/ khắc

6. singing: hát

using intonation: sử dụng ngữ điệu

painting: vẽ/ sơn

talking: trò chuyện

3. Complete the following sentences with the words in 1 and 2. (Hoàn thành các câu sau với các từ ở bài 1 và 2.)

1. verbal communication

2. non-verbal communication

3. facial expressions

4. snail mail

5. face-to-face meeting

Hướng dẫn dịch:

1. Giao tiếp bằng cách thể hiện suy nghĩ bằng lời nói được gọi là giao tiếp bằng lời nói.

2. Giao tiếp mà không sử dụng ngôn ngữ nói và viết được gọi là giao tiếp phi ngôn ngữ.

3. Cười và cau mày là những ví dụ của biểu hiện khuôn mặt.

4. Thư bưu thiếp ngày nay trở nên ít phổ biến hơn, so với thư điện tử.

5. Trong năm 2050, chúng ta vẫn sử dụng các cuộc họp trực tiếp bởi vì họ thỉnh thoảng sẽ thích họp trực tuyến.

4. Complete each sentence with the correct form of the verb in brackets. (Hoàn thành mỗi câu với dạng đúng của động từ trong ngoặc.)

1. watching	2. to go
3. to stay	4. to call
5. using	6. to have
7. working	8. to contact

Hướng dẫn dịch:

1. Bạn có thích xem phim không?
2. Anh ấy quyết định đi làm ở một ngôi trường vùng sâu vùng xa.
3. Anh ấy dự định ở đây ít nhất 3 năm.
4. Chúng ta sẽ gọi điện cho anh ấy thường xuyên hơn.
5. Bạn nên tránh dùng quá nhiều từ viết tắt trong giao tiếp trực tuyến trang trọng.
6. Chúng tôi định đi dã ngoại chủ nhật tuần này. Bạn có muốn đi cùng không?
7. Họ không ngại làm việc muộn để hoàn thành công việc.
8. Ann lên kế hoạch liên hệ với bác sĩ sáng sớm ngày mai.

5. Choose the best answer...(Chọn câu trả lời đúng nhất A, B hay C để hoàn thành mỗi câu.)

1. C	2. B	3. B	4. C	5. B	6. C
------	------	------	------	------	------

Hướng dẫn dịch:

1. Hôm nay khi cô ấy về nhà muộn, anh ấy sẽ đang nấu ăn.
2. Tôi hi vọng bạn sẽ không đang làm việc khi tôi đến lúc 8 giờ tối nay.
3. Tôi sẽ làm gì trong năm 2020?
4. Bạn sẽ xem chương trình tivi nào lúc 9:00 tối mai?

5. Tôi nay bạn có dùng laptop không? Mình có thể mượn nó để làm bài tập về nhà được không?

6. Lúc 11 giờ sáng mai, anh ấy sẽ có cuộc họp từ xa qua video với đồng nghiệp ở châu Phi.

6. Complete the text...(Hoàn thành bài đọc với thì quá khứ đơn, hiện tại tiếp diễn và tương lai tiếp diễn.)

1. was

2. called

3. are helping

4. are using

5. will be communicating

Hướng dẫn dịch:

Khi tôi đang học ở Anh cách đây 10 năm, rất tốn kém khi thực hiện những cuộc gọi đường dài. Đó là lý do tại sao tôi chỉ gọi về nhà để nói chuyện với bố mẹ vào những dịp đặc biệt. Nhưng ngày nay giao tiếp trở nên dễ dàng hơn. Thư điện tử, gọi qua ghi hình, và hội nghị từ xa giúp hàng triệu người kết nối với nhau một cách nhanh chóng và tiết kiệm chi phí. Bây giờ từ Thụy Sĩ chúng tôi sử dụng Skype để gặp bố mẹ mỗi tuần. Trong 15 năm tới tôi sẽ giao tiếp với các con tôi bằng thân giao cách cảm và chữ nổi khi chúng học xa nhà.

Giải sách bài tập Anh 8 Speaking trang 31 - 32 sách mới

1. Match the blue statements...(Nối những câu màu xanh với những câu màu đỏ để tạo nên bài đối thoại ngắn.)

1. C 2. E 3. B 4. A 5. D 6. F

Hướng dẫn dịch:

1. Tôi không biết cách để liên lạc với cô ấy. Cô ấy ở xa quá. – Chúng ta có thể gửi thư hoặc dùng video chatting.

2. Tôi không hiểu những hướng dẫn trên trang web của họ. Chúng quá phức tạp. - Bạn nên đi gặp riêng họ để hỏi cho rõ.
3. Tôi nghĩ anh ấy quá ngại ngùng để nói cho cô ấy nghe cảm giác của anh ấy. – À, anh ấy có thể dùng những thông điệp phi ngôn ngữ mà.
4. Người ta không nói tiếng Anh nhiều ở Bồ Đào Nha. Chúng ta sẽ có khó khăn gì khi ở đây không nhỉ? – Hãy học những từ Tây Ban Nha cơ bản ngay bây giờ.
5. Chúng ta có nên mua hoa để chúc mừng anh ấy được nhận vị trí mới không? – Có chứ, nhớ đừng mua hoa hồng đỏ nhé.
6. Tôi cần sắp xếp một cuộc hẹn với bác sĩ, nhưng tôi không có số điện thoại của ông ấy. – Sao bạn không thử tìm trên trang web bệnh viện? Có thể ở đó có.

2. Now respond to the blue statements using your own ideas. (Bây giờ phản hồi lại những câu màu xanh sử dụng ý kiến của riêng bạn.)

1. You can call her on Skype, Messenger or Zalo. It's very effortless.
2. You should call their hotline to ask them for help.
3. He can write a letter to tell her his feelings.
4. We can hire an interpreter to help us just in case.
5. I think we should buy a bottle of champagne instead.
6. You can go to the hospital where he works to ask the nurse or someone who can know.

3. Work with a partner...(Làm việc với một người bạn. Chọn một tình huống ở bài 1 và thiết kế một thiết bị cái mà sẽ giúp mọi người giao tiếp hiệu quả hơn trong tương lai. Thiết bị này nên:)

Situation number 6: I need to book an appointment with the doctor, but I don't have his telephone number.

The device is doctors' phone directory.

It's a small electronic book which contains all of the information relating to doctors' around the world. The information is collected from all hospitals and

clinics worldwide. Moreover, users can know more about the facility, service and price of all hospitals from which they will have the best choice.

Hướng dẫn dịch:

Tình huống số 6: Tôi cần hẹn một cuộc gặp mặt với bác sĩ, nhưng tôi không có số điện thoại của ông ấy.

Thiết bị là danh bạ điện thoại của các bác sĩ.

Nó là một cuốn sổ điện tử nhỏ có chứa tất cả thông tin liên quan đến các bác sĩ trên toàn thế giới. Thông tin được gom nhặt từ các bệnh viện và phòng khám toàn cầu. Hơn nữa, người dùng có thể biết chi tiết hơn về cơ sở vật chất, dịch vụ và giá cả của tất cả các bệnh viện từ đó họ sẽ có sự lựa chọn tốt nhất.

Giải sách bài tập Tiếng Anh lớp 8 Reading trang 32 - 33 - 34 sách mới

1. Read the text about Alexander Graham Bell and do the tasks. (Đọc bài về Alexander Graham Bell và làm các bài tập.)

a. Quyết định những câu sau là đúng hay sai

1. T 2. F 3. T 4. T 5. F 6. F

b. Trả lời những câu hỏi sau:

1. Harmonic telegraph is used to send multiple messages over a single wire.
2. 'Phonautograph' is used to draw the shape of the sound waves.
3. The first telephone communication was between Bell and Watson in 1876. Bell was at one end of the line and Watson was working in another room. The first transmitted words were, "Mr Watson, come here. I want to see you."

Hướng dẫn dịch:

Alexander Graham Bell được biết đến như nhà phát minh ra điện thoại đầu tiên. Ông ta sinh 03/03/1847 ở Edinburgh, Scotland. Khi ông được 23 tuổi, Bell di cư sang Canada với cha mẹ ông và năm sau đó di chuyển đến Hoa Kỳ dạy những đứa trẻ khiếm thính. Ông đã dành sự quan tâm rất lớn trong việc truyền giọng nói con người. Với đồng nghiệp của ông Thomas Watson, Bell đã làm việc rất chăm chỉ trên các thí nghiệm để phát minh ra các thiết bị như điện báo (được sử dụng để gửi

tin nhắn bằng một sợi dây) và phonograph (được dùng để vẽ hình ảnh của sóng âm). Những giao tiếp qua điện thoại đầu tiên được người ta nói rằng đã diễn ra giữa Bell và Watson vào năm 1876 trong khi Bell ở đầu dây và Watson nói trong một đầu dây khác trong phòng khác. Những từ được chuyển đi đầu tiên là “Ngài Watson, đến đây. Tôi muốn gặp ngài.”

2. You are going to read a text about the meanings of flower colours. (Bạn sắp đọc 1 bài về ý nghĩa của các màu hoa.)

a. Nối các bông hoa với các biểu tượng. Sau đó đọc bài đọc để kiểm tra câu trả lời của bạn.

1. C 2. A 3. B

b. Hoàn thành bảng với không nhiều hơn 3 từ.

1. Passion, strong and powerful love

2. Yellow

3. Happiness, joy

4. Health, wellness, fortune

5. Pink

6. Purity, innocence, elegance

c. Viết một màu hoa có thể thích hợp cho các dịp sau. Giải thích lựa chọn của bạn.

1. orange, green 2. yellow 3. red 4. white 5. orange

Hướng dẫn dịch:

Thông điệp từ hoa

Nếu bạn gửi đi những bông hoa đến ai đó, thật tốt khi biết ngôn ngữ màu sắc của hoa, vì vậy chúng sẽ truyền thông điệp chính xác những gì bạn muốn nói. Đây là vài niềm tin phổ biến về ý nghĩa màu sắc hoa ở Mỹ.

Hoa đỏ

Những hoa đỏ biểu tượng cho sự đam mê. Tặng chúng thể hiện tình yêu mạnh mẽ và quyết liệt.

Hoa màu cam

Màu cam là màu của mặt trời. Nhìn hoa màu cam mang đến cho bạn cảm giác hạnh phúc và vui vẻ.

Hoa màu hồng

Hoa màu hồng thể hiện sự ngây thơ và nhạy cảm. Chúng gửi đến thông điệp, “Bạn như một người thanh nhã và quý phái.”

Hoa màu vàng

Hoa màu vàng thể hiện tình bạn và sự tôn trọng. Đó là tại sao hoa vàng thường được tặng ở nơi làm việc.

Hoa màu xanh lá

Màu xanh lá biểu tượng cho tự nhiên. Hoa màu xanh lá thể hiện sức khỏe, sự tốt lành và may mắn.

Hoa màu trắng

Hoa tươi màu trắng được liên kết với sự tinh khiết, ngây thơ và thanh lịch. Chúng là loại hoa hoàn hảo cho đám cưới.

3. Read the text and do the tasks. (Đọc bài và làm các bài tập.)

Hướng dẫn dịch:

Bạn có biết ngôn ngữ bí mật của những chú chó?

Có, chó nói chuyện, nhưng không phải bằng lời nói. Chó có cách riêng của chúng để giao tiếp với chủ của chúng và với những con chó khác. Một trong những phương tiện giao tiếp cơ bản nhất là dùng ngôn ngữ cơ thể. Theo một trang web về cách mà loài chó giao tiếp, khi con chó của bạn bối rối nó sẽ co trán lại. Nếu tai nó vểnh lên, nó thấy thoải mái hoặc đang lắng nghe. Nếu chú chó của bạn vui vẻ hay muốn chơi có lẽ nó sẽ chìa môi ra sau và cười bằng cách khoe những chiếc răng. Cách những chú chó vẫy đuôi cũng cho thấy nó cảm thấy như thế nào. Nếu đuôi nó vẫy về bên phải, nó là dấu hiệu của cảm xúc tích cực, trong khi vẫy bên trái cho

thấy cảm xúc tiêu cực. Vì vậy lần sau chó của bạn sử dụng ngôn ngữ cơ thể, hãy lắng nghe nó đang cố gắng nói gì nhé!

Đáp án:

a. Mô tả ngôn ngữ cơ thể của những chú chó trong ảnh, sử dụng các từ từ các cụm từ được nổi bật lên

1. His ears are raised.
2. He is wagging his tail.
3. He is 'smiling'.
4. He is wrinkling his forehead.

b. Bây giờ nối các bức ảnh với các thông điệp

1. C 2. D 3. A 4. B

Giải sbt Tiếng Anh 8 mới Writing trang 35

1. Look at the following online messages... (Nhìn vào những tin nhắn trực tuyến bên dưới. Tìm và sửa những lỗi sai theo cách ứng xử hợp lý trực tuyến mà bạn đã học trong bài này.)

Đáp án:

a) The student shouldn't use all capital letters or shorthand in his email. He should use a more formal language.

Dear teacher,

I would like to ask if we will have to submit our project by next vweekend.

Thank you very much.

Yours sincerely, Mike

Hướng dẫn dịch:

a) Học sinh không nên sử dụng toàn bộ ký tự viết hoa hay viết tắt trong email. Bạn ấy nên dùng ngôn ngữ trang trọng hơn.

Thưa thầy cô,

Em muốn hỏi rằng chúng em có phải sẽ nộp dự án của chúng em vào cuối tuần tới không ạ.

Cảm ơn cô nhiều ạ.

Kính thư, Mike

b) The language of the answer was not polite enough.

Question: Does anybody know which bus goes from Trang Tien Plaza to Cau Giay? Thanks.

Answer: Hi, I think the bus number 34 will take you there.

Hướng dẫn dịch:

b) Ngôn ngữ của câu trả lời chưa đủ lịch sự.

Câu hỏi: Ai đó biết xe buýt nào đi từ Trảng Tiền Plaza đến Cầu Giấy không? Cảm ơn.

Trả lời: Chào, tôi nghĩ xe buýt số 34 sẽ đưa bạn đến đó đấy.

2. Can you use texting/shorthand...(Bạn có thể dùng tốc ký/viết tắt để viết lại những tin nhắn này không?)

1. I'll b 10 mins late.

2. Wot r u doing this wkd?

3. Thx 4 the gift.

4. I'll b rite back.

5. CUS.

3. Choose one of the tasks below. (Chọn 1 bài tập bên dưới.)

Hướng dẫn dịch:

1. Viết 1 tin nhắn điện thoại di động gửi bạn của em để hỏi bạn ấy có muốn xem phim với em cuối tuần này không
2. Viết một thư điện tử ngắn đến giáo viên tiếng Anh và hỏi khi nào em phải nộp bài luận văn
3. Viết một dàn bài ngắn trả lời câu hỏi của ai đó về món ăn ngon nhất nên ăn khi đến Việt Nam

Đáp án:

Task 1:

Hi Mark, are you free this weekend? I hear that there is an interesting film in CGV cinema, Star war. Would you like to come to watch with me? If OK, we can go for 7p.m film. Reply me soon.

Hướng dẫn dịch:

Chào Mark, cậu rảnh vào cuối tuần này chứ? Mình nghe có một phim hay ở rạp CGV ấy, Star war. Cậu muốn xem với mình không? Nếu được chúng mình đi xem suất phim 7 giờ tối. Trả lời mình sớm nhé.

CLICK NGAY vào **TẢI VỀ** dưới đây để download tài liệu giải bài tập SBT Tiếng anh lớp 8 **Unit 10: Communication** sách mới được tổng hợp chi tiết, hay nhất với file word, pdf hoàn toàn miễn phí. Chúc các em học sinh đạt được những kết quả tốt trong kỳ thi sắp tới.